

# **Chương 3**

# **Quản lý NSNN**

# Nội dung nghiên cứu chương 3

## ***3.1 Quản lý thu NSNN***

3.1.1 Quản lý thu thuế

3.1.2 Quản lý thu phí, lệ phí

3.1.3 Quản lý các khoản thu khác của NSNN

## ***3.2 Quản lý chi NSNN***

3.2.1 Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN

3.2.2 Quản lý chi TX của NSNN

## ***3.3 Tổ chức cân đối NSNN***

# 3.1 Quản lý thu NSNN

## 3.1.1 Quản lý thu thuế

### 3.1.1.1 Những vấn đề chung về thuế

\* **Khái niệm:** Thuế là khoản đóng góp có tính chất bắt buộc được thể chế bằng luật do các pháp nhân và thể nhân đóng góp cho nhà nước.

Hay: Thuế là một khoản thu bắt buộc, không bồi hoàn trực tiếp của Nhà nước đối với các tổ chức và cá nhân nhằm trang trải mọi chi phí và lợi ích chung.

\* **Đặc điểm:**

- Mang tính bắt buộc, thiết lập trên cơ sở luật định.
- Khoản thu mang tính không tính không hoàn trả trực tiếp.

## \* *Các yếu tố cấu thành sắc thuế*

- + Tên gọi: gắn với ĐTTT hoặc ND chủ yếu
- + Đối tượng nộp thuế: Tổ chức, cá nhân phải t.hiện việc khai báo, nộp thuế hoặc không phải t.hiện.
- + Người chịu thuế: tổ chức, cá nhân phải chịu khoản thuế
- + Đối tượng tính thuế: sắc thuế tính trên căn cứ nào
- + Thuế suất: mức thuế được ấn định trên mỗi đơn vị của ĐTTT.
- + Đơn vị tính thuế: đ.vị được sử dụng làm p.t tính toán ĐTTT
- + Giá tính thuế: giá làm căn cứ tính thuế
- + Chế độ miễn giảm thuế
- + Thủ tục thu nộp thuế: Quy định về trách nhiệm và các thức nộp

\* *Phân loại thuế:*

- Căn cứ vào tính chất điều tiết của thuế:
  - + Thuế trực thu
  - + Thuế gián thu
- Căn cứ vào đối tượng đánh thuế:
  - + Thuế đánh vào HĐ SXKD
  - + Thuế đánh vào thu nhập
  - + Thuế đánh vào tài sản
  - + Thuế đánh vào sử dụng TNTN của NN...

*\* Vai trò của thuế:*

- Thuế là khoản thu chủ yếu của NSNN: là khoản đóng góp mang tính pháp lệnh của NN; mang tính ổn định tương đối; không hoàn trả trực tiếp cho người nộp; hình thức thu bao quát hầu hết các hoạt động SXKD, các nguồn TN và mọi TDXH; đảm bảo tính tự chủ trong cân đối NS,...
- Thuế là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền KT
- Thuế là công cụ góp phần điều hoà thu nhập và thực hiện bình đẳng, công bằng xã hội.

### 3.1.1.2 Nội dung quản lý thu thuế

#### ❖ Mục tiêu quản lý thu thuế:

- Thực hiện tốt nhất dự toán thuế đã được cơ quan quyền lực NN quyết định.
- Bảo đảm các văn bản pháp luật về thuế được thực thi một cách nghiêm chỉnh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội.
- Phát huy được vai trò tích cực của thuế trong điều chỉnh vĩ mô các hoạt động KT - XH.

#### ❖ Yêu cầu quản lý thu thuế:

- Thu đúng, thu đủ theo luật định.
- Xây dựng biện pháp thu phù hợp với thực trạng kt - xh trong từng thời kỳ.
- Gắn với việc thực hiện các mục tiêu KT - XH vĩ mô của NN.

## ❖ Nguyên tắc quản lý thu thuế

- Nguyên tắc thống nhất, tập trung dân chủ.
- Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.
- Nguyên tắc phù hợp.



- ❖ Tổ chức công tác quản lý thu thuế: là ND cơ bản nhất trong q. lý thu NSNN. Gồm 3 khâu:
- Lập dự toán thuế.
  - Chấp hành dự toán thuế.
  - Kế toán và quyết toán thuế.

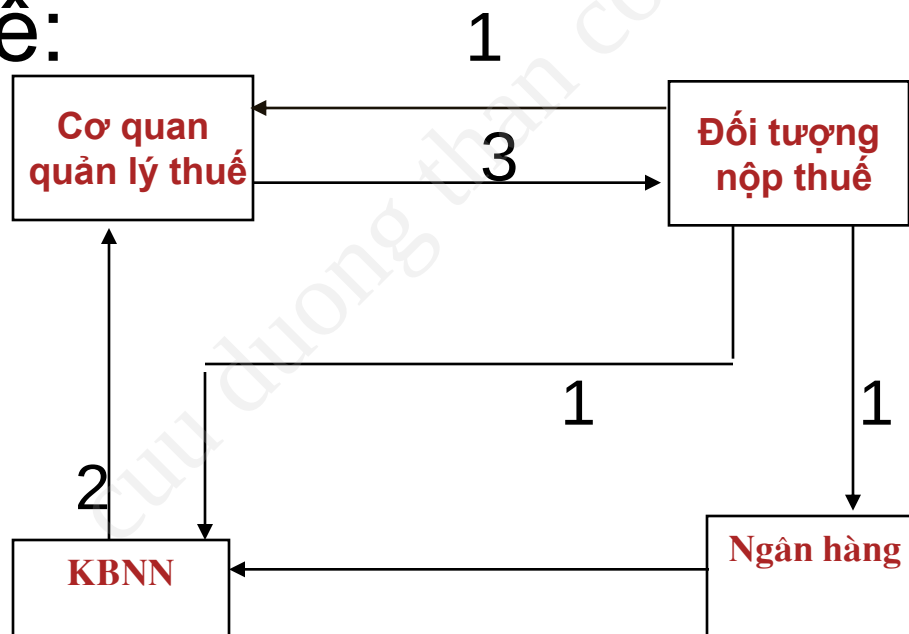
- \* Lập dự toán thuế: là việc tính toán, xác định các c.tiêu t.hợp, c.tiết về số thuế thu trong năm KH và các biện pháp để t.hiện các KH đó.
- Yêu cầu lập dự toán thuế:
  - + Phải tổng hợp theo từng l.vực, chi tiết theo từng sắc thuế; lập đúng biểu mẫu, ND và t.hạn quy định; kèm theo các báo cáo thuyết minh rõ cơ sở, căn cứ tính toán.
  - + Đ.bảo tính tiên tiến và hiện thực của các chỉ tiêu được xác lập trong dự toán.

- Căn cứ lập dự toán thuế:
- + Nhiệm vụ p.triển k.tế XH và đảm bảo ANQP; các chỉ tiêu cụ thể trong năm KH.
- + Các chính sách chế độ về thuế và thu NS như: Luật NSNN, luật thuế, pháp lệnh về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- + Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về lập dự toán NSNN, h.dẫn của UBND các cấp về lập dự toán NS ở địa phương.
- + Số k.tra về dự toán thuế do cơ quan có thẩm quyền t.báo.
- + T.hình t.hiện dự toán thuế 1 số năm liên kế, đặc biệt là năm liền trước năm KH.

- Phương pháp và trình tự lập dự toán thuế:
- + Phương pháp: kết hợp cả 2 p.pháp: phân bổ từ trên xuống và tổng hợp từ dưới lên.
- + Trình tự:
  - Bước 1: Hướng dẫn lập và giao số kiểm tra về dự toán thuế
  - Bước 2: Lập và tổng hợp dự toán thuế
  - Bước 3: Quyết định và giao dự toán chính thức

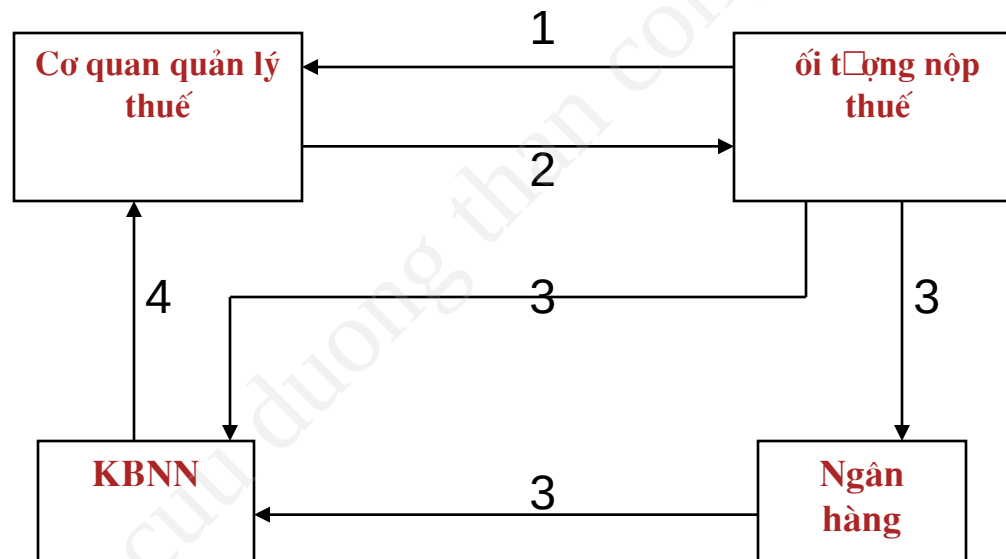
- \* Chấp hành dự toán thuế:
  - Đăng ký, khai và tính thuế
  - + Đ.tượng đ.ký thuế: Các t.chức, hộ gia đình, cá nhân; cá nhân có TN thuộc diện chịu thuế TNCN; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay; tổ chức, cá nhân khác.
  - + Các đ.tượng đăng ký thuế theo quy định của pháp luật phải t.hiện đ.ký nộp thuế đúng t.hạn, đúng mẫu hướng dẫn của cơ quan thuế. Ngoài ra, người nộp thuế phải khai c.xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai.
  - + Về n.tắc, ĐT nộp thuế phải tự tính toán số thuế phải nộp; chịu trách nhiệm trước PL về việc tính toán này.

- Thu và nộp thuế vào NSNN
- + Trường hợp ĐT nộp thuế tự tính thuế:



- (1) Đối tượng nộp thuế tự khai, tính và nộp thuế vào KBNN và gửi hồ sơ kê khai thuế cho cơ quan quản lý thuế.
- (2) KBNN thông báo số thuế đã nộp của từng đối tượng cho cơ quan quản lý thuế.
- (3) Cơ quan quản lý thuế kiểm tra và thông báo cho đối tượng nộp thuế trong các trường hợp kê khai, tính toán không chính xác hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

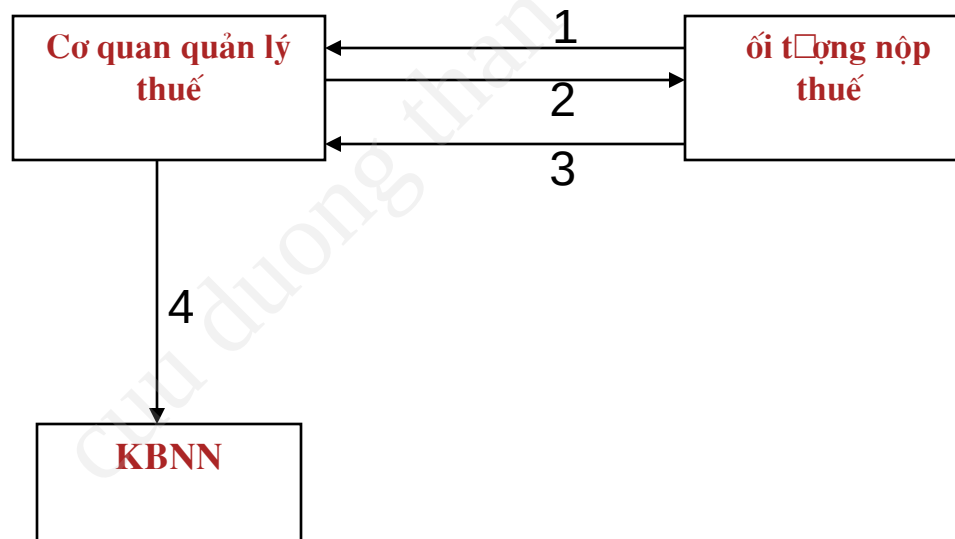
+ Trường hợp cơ quan q. lý thuế t.hiện tính thuế cho ĐT nộp thuế (ĐTNT nộp thuế vào KBNN)





- (1) Đối tượng nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan quản lý thuế
- (2) Cơ quan quản lý thuế xác định số thuế phải nộp, ra thông báo thuế gửi đối tượng nộp thuế.
- (3) Đối tượng nộp thuế thực hiện nộp thuế trực tiếp vào KBNN
- (4) KBNN thông báo số thuế đã nộp của từng đối tượng cho cơ quan quản lý thuế.

+ Trường hợp cơ quan q.lý thuế t.hiện tính thuế cho ĐT nộp thuế (ĐTNT nộp thuế cho c.quan q.lý thuế)



- (1) Đối tượng nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan quản lý thuế.
- (2) Cơ quan quản lý thuế xác định số thuế phải nộp, ra thông báo thuế gửi đối tượng nộp thuế.
- (3) Đối tượng nộp thuế nộp thuế trực tiếp cho cơ quan quản lý thuế
- (4) Cơ quan quản lý thuế lập bảng kê, nộp số thuế trực tiếp thu vào KBNN.

\* Kế toán và quyết toán thuế:

- Kế toán thuế là việc ghi chép, p.ánh số thuế phải thu, số thuế đã thu, số thuế hoàn trả, số thuế còn phải thu, số thuế truy thu, t.hình q.ly cấp phát và sử dụng ấn chỉ trong q.trình tổ chức thu thuế.
- ND cơ bản của công tác kế toán thuế:
  - + Kế toán thu nộp tiền thuế
  - + Kế toán hành hóa tạm giữ và tịch thu
  - + Kế toán ấn chỉ

## **3.1.2 Quản lý thu phí, lệ phí**

### **3.1.2.1 Một số vấn đề cơ bản về phí và lệ phí:**

#### **\* Bản chất:**

- **Phí** là khoản thu nhằm thu hồi chi phí đầu tư - cung cấp các HH DV công không thuần túy theo quy định của pháp luật và là khoản tiền mà các tổ chức, cá nhân phải trả khi sử dụng các dịch vụ công cộng đó.
- **Lệ phí** là khoản thu gắn liền với việc cung cấp trực tiếp các dịch vụ hành chính pháp lý của Nhà nước cho các thể nhân và pháp nhân nhằm phục vụ cho công việc quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật.

*\* Đặc điểm:*

- Các dịch vụ thu phí có thể do NN đầu tư cung cấp hoặc cũng có thể do tư nhân đầu tư cung cấp. Nhưng chỉ có khoản thu phí do NN cung cấp mới là khoản thu NSNN.
- Các dịch vụ theo quy định của pháp luật được phép thu lệ phí thuộc các dịch vụ gắn với công việc quản lý NN. Lệ phí là khoản thu NSNN.
- Phí thuộc NSNN và lệ phí là khoản thu bắt buộc và phát sinh thường xuyên của NSNN.
- Khác thuế: Là các khoản thu mang tính hoàn trả trực tiếp gắn với việc thụ hưởng các hàng hóa, DV công.

*\* Tác dụng của phí và lệ phí:*

- Góp phần tăng thêm nguồn thu cho NSNN.
- Đảm bảo công bằng giữa các tổ chức và cá nhân trong xã hội trong việc khai thác và hưởng thụ những lợi ích từ dịch vụ công do NN cung cấp.
- Phục vụ công việc quản lý của NN đối với các hoạt động KT - XH.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, tránh tình trạng lạm sử dụng dịch vụ công cộng.

*\* Phân loại phí:*

- Theo chủ thể đầu tư và quản lý:
  - + Phí thuộc NSNN.
  - + Phí không thuộc NSNN.
- Theo lĩnh vực hoạt động KT - XH:
  - + Phí phát sinh từ hoạt động kinh tế.
  - + Phí phát sinh từ hoạt động văn xã.
  - + Phí phát sinh từ các lĩnh vực khác như: án phí...
- Theo cấp quản lý thuộc bộ máy NN:
  - + Phí trung ương quản lý
  - + Phí địa phương quản lý.



*\* Phân loại lệ phí:*

- Theo tính chất các dịch vụ thu lệ phí:
  - + Lệ phí liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân.
  - + Lệ phí liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.
  - + Lệ phí liên quan đến sản xuất, kinh doanh.
  - + Lệ phí liên quan đến chủ quyền quốc gia
  - + Lệ phí liên quan đến lĩnh vực khác.
- Theo cấp quản lý thuộc bộ máy NN:
  - + Lệ phí trung ương quản lý
  - + Lệ Phí địa phương quản lý.

### **3.1.2.2 Nội dung quản lý thu phí và lệ phí thuộc NSNN.**

- a. Phân cấp thẩm quyền quy định về phí và lệ phí.  
Phân cấp thẩm quyền được thực hiện dựa vào: t.chất và p.vi ảnh hưởng của từng loại phí và lệ phí.
- b. Xác định mức thu phí và lệ phí:
  - Xác định mức thu phí:
  - + Yêu cầu: Đảm bảo thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, có tính đến những chính sách của NN trong từng t.kỳ.

- + Căn cứ để xác định mức thu phí gồm:
  - Vốn đầu tư để trang trải các CP thực hiện các d.vụ thu phí
  - K.năng thu phí, hiệu quả thu phí dự kiến trong đề án thu phí
  - Tính chất, đặc điểm của từng d.vụ thu phí
  - Chủ trương, chính sách của NN
  - T.hình k.tế, chính trị, XH của các vùng trong từng thời kỳ.
  - Mức thu loại phí tương ứng ở các nước trong khu vực và thế giới nếu có.
- Xđ mức thu lệ phí: Được ấn định trước = 1 số tiền nhất định đ.với từng công việc q.ly NN.

### c. Đối tượng nộp và các tổ chức, cá nhân được thu phí và lệ phí

- Đối tượng nộp: tổ chức, cá nhân được tổ chức, c.quan NN cung cấp các hàng hóa d.vụ công theo quy định của PL có thu phí, lệ phí.
- Đối tượng thu: C.quan thuế, c. quan hải quan, c.quan khác của NN, t/chức k.tế, đ.vị sự nghiệp, đ.vị vũ trang nhân dân, t/chức khác và c.nhân cung cấp d.vụ hoặc t.hiện các công việc theo quy định của PL được thu phí, lệ phí.

#### d. Tổ chức Quản lý thu phí, lệ phí thuộc NSNN:

##### \* Đăng ký, khai, thu nộp phí và lệ phí:

- Đăng ký: Về loại phí, lệ phí; địa điểm thu; việc tổ chức thu phí, lệ phí.
- Khai nộp phí, lệ phí: Khai từng tháng và nộp cho c.quan thuế nơi đăng ký để theo dõi, q.lý.

QĐ: Khai đầy đủ, đúng mẫu, đúng thời hạn, chịu t.nhiệm trước PL về việc khai của mình.

##### \* Q.lý sd tiền thu phí và lệ phí

- Do cơ quan thuế t.tiếp tổ chức thu hoặc do tổ chức khác đã được NS đảm bảo KP cho hoạt động thu và nộp vào NS.

- T.hợp t.chức thu chưa được đảm bảo KP hoặc t.chức thu được ủy quyền thu thì t.chức này được để lại 1 phần để trang trải CP, phần còn lại nộp vào NS.
- Đối với phí thuộc NSNN mà tiền thu được được NN đầu tư trở lại cho tổ chức thu thì việc q.lý và sd phải đảm bảo đúng mục đích đầu tư và cơ chế q.lý TC hiện hành.  
Cơ quan và đ.vị sự nghiệp công lập t.hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của CP thì tiền phí và lệ phí sẽ để lại cho c.quan, đ.vị q.lý và sử dụng theo chế độ q.lý TC hiện hành.

\* Thu nộp tiền thu phí, lệ phí vào KBNN

- Nếu phí, lệ phí do c.quan thuế thu thì: ĐT nộp nộp trực tiếp vào KBNN ở địa phương theo hướng dẫn.
- Nếu phí, lệ phí do c.quan Nhà nước, t.chức khác thu thì c.quan Nhà nước và t.chức thu sẽ mở TK tạm giữ tiền phí, lệ phí tại KBNN nơi thu để theo dõi, q.lý.

\* Kế toán, quyết toán phí, lệ phí

- T/chức, c/nhân thu có t.nhiệm mở sổ k.toán để theo dõi, p.ánh việc thu, nộp.
- T.hợp thay đổi, kết thúc, đình chỉ thu, tổ chức, cá nhân thu phải quyết toán đúng thời hạn.
- Quyết toán phí, lệ phí thuộc NS t.hiện cùng thời gian với q.toán NS.

### **3.1.1.3 Quản lý các khoản thu khác của NSNN**

***Các khoản thu khác của NSNN bao gồm:***

- ❑ Thu từ hoạt động kinh tế của NN: thu từ lợi tức cổ phần, thu hồi vốn của NN đầu tư vào các cơ sở kinh tế.
- ❑ Thu từ bán hoặc cho thuê tài nguyên công sản: Tiền bán nhà thuộc sở hữu NN, tiền bán TNTN...
- ❑ Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước; các khoản viện trợ không hoàn lại...



## 3.2 Quản lý Chi NSNN

### 3.2.1 Quản lý chi đầu tư phát triển

#### 3.2.1.1 Khái niệm, nội dung và đặc điểm của chi ĐTPT:

❖ *Khái niệm:*

Chi ĐTPT là quá trình phân phối và sử dụng một phần vốn tiền tệ từ quỹ NSNN để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KT - XH, phát triển sản xuất và dự trữ vật tư hàng hoá của NN, nhằm thực hiện các mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển xã hội.

❖ *Nội dung:*

- Căn cứ vào mục đích của các khoản chi:
  - Chi đầu tư XD các công trình kết cấu hạ tầng KT - XH không có khả năng thu hồi vốn.
  - Chi đầu tư và hỗ trợ các DN, các tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính của NN...
  - Chi dự trữ NN.
  - Chi đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu QG, dự án NN...
  - Chi đầu tư phát triển khác.
- Căn cứ vào tính chất của các hoạt động ĐTPT:
  - Chi đầu tư XD CB của NSNN
  - Chi đầu tư phát triển không có tính chất đầu tư XD CB.

❖ *Đặc điểm:*

- Là khoản chi lớn của NSNN nhưng không có tính ổn định.
- Mang tính chất chi cho tích lũy.
- Phạm vi và mức độ chi ĐTPT luôn gắn liền với việc thực hiện mục tiêu kế hoạch phát triển KT - XH của NN trong từng thời kỳ.

### *3.2.1.2. Tổ chức quản lý chi ĐTPT của NSNN.*

#### a. Quản lý chi đầu tư XDCCB.

- ❖ Nguyên tắc quản lý và cấp phát vốn.
- ❖ Điều kiện cấp phát thanh toán vốn đầu tư.
- ❖ Lập và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư XDCCB.
- ❖ Cấp phát thanh toán vốn đầu tư XDCCB.

#### b. Quản lý các khoản chi ĐTPT khác.

- ❖ Quản lý chi đầu tư vốn cho các DNNN
- ❖ Quản lý chi trợ cấp tài chính và trợ giá đối với DN.

## **3.2.2 Quản lý chi thường xuyên**

### **3.2.2.1 Khái niệm, nội dung và đặc điểm của chi TX.**

#### **❖ Khái niệm:**

Chi TX là một bộ phận của Chi NSNN. Nó phản ánh quá trình phân phối và sử dụng quỹ NSNN để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên về quản lý kinh tế xã hội của Nhà nước.

❖ *Nội dung:*

- Theo từng lĩnh vực chi:

- Chi cho các hoạt động sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn - xã.
- Chi cho các hoạt động sự nghiệp kinh tế của NN.
- Chi cho các hoạt động quản lý NN.
- Chi cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác được cấp kinh phí từ NSNN.
- Chi cho quốc phòng - an ninh, trật tự và an toàn xã hội.
- Chi TX khác.

- Theo nội dung kinh tế của các khoản chi TX:

- Chi cho con người.
- Chi về nghiệp vụ chuyên môn.
- Chi khác.

### ❖ *Đặc điểm:*

- Đại bộ phận các khoản chi TC mang tính ổn định khá rõ nét.
- Hiệu lực tác động của các khoản chi TX trong thời gian ngắn và mang tính chất chi cho tiêu dùng.
- Phạm vi, mức độ chi TX của NSNN gắn chặt với cơ cấu tổ chức của bộ máy NN và sự lựa chọn của NN trong việc cung ứng các hàng hóa, dịch vụ công.

### ***3.2.2.2 Các nguyên tắc quản lý chi TX***

- Nguyên tắc quản lý theo dự toán.
- Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.
- Nguyên tắc chi trực tiếp qua KBNN

### ***3.2.2.3 Tổ chức quản lý chi TX***

- Yêu cầu đối với định mức chi TX
- Lập dự toán chi TX
- Chấp hành dự toán chi TX
- Quyết toán và kiểm toán các khoản chi TX.



## 3.3 Tổ chức cân đối NSNN

### 3.3.1 Khái niệm cân đối NSNN

### 3.3.2 Thâm hụt NSNN - Thực chất và nguyên nhân

### 3.3.3 Nguyên tắc thực hiện cân đối NSNN

### 3.3.4 Tổ chức cân đối NSNN

### 3.3.1 Khái niệm cân đối NSNN

Cân đối NSNN mang nét đặc trưng là cân đối về mặt giá trị hay cân đối tài chính, là một hình thức phản ánh mối quan hệ giữa nguồn và sử dụng của quỹ NSNN.

- ❖ Mối quan hệ giữa thu NSNN và chi NSNN được biểu hiện qua 3 trạng thái sau:
  - Cân bằng NSNN khi tổng thu NSNN = tổng chi NSNN.
  - Thặng dư hay bội thu NSNN khi tổng thu NSNN > tổng chi NSNN.
  - Bội chi hay thâm hụt NSNN khi tổng thu NSNN < tổng chi NSNN.

### **3.3.2 Thâm hụt NSNN - Thực chất và những nguyên nhân.**

#### **3.3.2.1 Khái niệm:**

Thâm hụt NSNN là tình trạng chi tiêu của NSNN vượt quá số thu của NSNN trong một năm.

#### **3.3.2.2 Phân loại:**

- ❖ Căn cứ vào yếu tố thời gian:
  - Thâm hụt NSNN trong ngắn hạn.
  - Thâm hụt NSNN trong dài hạn.
- ❖ Căn cứ vào nguồn gốc của thâm hụt:
  - Thâm hụt cơ cấu.
  - Thâm hụt chu kỳ.

### 3.3.2.3 *Những nguyên nhân thâm hụt NSNN.*

- ❖ Những nguyên nhân mang tính khách quan:
  - Do biến động của chu kỳ kinh tế
  - Nhu cầu chi tiêu tăng do phục hồi kinh tế, an ninh quốc phòng, khắc phục hậu quả thiên tai...
- ❖ Những nguyên nhân mang tính chủ quan:
  - Do điều hành NSNN không hợp lý
  - Do quá trình phân cấp quản lý NSNN còn nhiều bất cập.
  - Do chủ trương chuyển đổi nền kinh tế.

### **3.3.3 Nguyên tắc t.hiện cân đối NSNN:**

Theo Luật NSNN 2002 thì:

- NSNN được cân đối theo n.tắc tổng số thu từ thuế, phí và lệ phí phải lớn hơn tổng số chi thường xuyên và góp phần tích lũy ngày càng cao vào chi đầu tư p.triển; t.hợp còn bội chi thì số bội chi phải nhỏ hơn số chi đầu tư p.triển, tiến tới cân bằng thu, chi NSNN.
- Bội chi NSNN được bù đắp bằng nguồn vốn vay trong nước và ngoài nước. Vay bù đắp bội chi phải đảm bảo nguyên tắc không sd cho tiêu dùng, chỉ được sd cho mđ p.triển và b.đảm bố trí NSNN để chủ động trả nợ khi đến hạn.

- Về n.tắc, NSĐP được cân đối với tổng số chi không vượt quá tổng số thu; trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc TW có nhu cầu đầu tư XD công trình kết cấu hạ tầng thuộc p.vi NS cấp tỉnh bảo đảm, thuộc danh mục đầu tư trong kế hoạch 5 năm đã được HĐND cấp tỉnh quyết định, nhưng vượt quá khả năng cân đối của NS tỉnh năm dự toán, thì được phép huy động vốn trong nước, và phải cân đối NS tỉnh hàng năm để chủ động trả nợ khi đến hạn. Mức dư nợ từ nguồn vốn huy động không vượt quá 30% vốn đầu tư XD CB trong nước hàng năm của NS tỉnh.

### 3.3.4 Tổ chức cân đối NSNN

- Tăng thu
- Giảm chi
- Các biện pháp tạo nguồn thu

# p chương 3

t Nam?

?

c

NSNN?

i chi NSNN?

t NSNN

2002?

t Nam?